

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM SÁCH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 20/6/2023

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH - HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Thu Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Công Sáu; Bà Trần Thị Luận.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Minh Đức – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nguyễn- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện Nam Sách mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 108/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24 tháng 5 năm 2023; Quyết định hoãn phiên toà số 07/2023/QĐ-HPT ngày 14/6/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Cấn Thị N, sinh năm 1990;

ĐKHKT: Thôn K, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương; Chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương;

Vắng mặt tại phiên toà.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn L, sinh năm 1986;

ĐKHKT và chỗ ở: Thôn K, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương;

Vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, biên bản hoà giải nguyên đơn chị Cấn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 10/8/2007 tại UBND xã H, N, Hải Dương. Trước khi kết hôn, khoảng tháng 6 hoặc tháng 7 năm 2006 chị và anh L có quan hệ tình dục, sau đó chị có thai. Ngày 10/8/2007 khi chị đủ tuổi thì chị và anh L mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã H. Quá trình chị và anh L chung sống với nhau chỉ hạnh phúc được vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L chơi bời, cờ bạc, nợ nần. Vì nghĩ đến gia đình và con nên chị đã nhiều lần cho anh L cơ hội để sửa đổi nhưng anh L vẫn không hề thay đổi, không chịu làm ăn, chơi bời, nghiện ma túy. Khoảng năm 2017 gia đình đã cho anh L đi cai nghiện tại Trung tâm thời gian một năm. Năm 2018 chị đi xuất khẩu lao động, còn anh L và các con vẫn sống cùng với bố mẹ đẻ chị. Thời gian một hai tháng đầu vợ chồng chị vẫn liên lạc với nhau, nhưng sau đó chị được bố mẹ gọi điện thoại báo tin là anh L lấy xe của mẹ để chị đi cắm vào bỏ về nhà để anh L sống, chị đã gọi điện thoại về nói chuyện với anh L nhưng anh L không nghe chị nên vợ chồng mâu thuẫn kể từ đó anh chị không còn liên lạc gì với nhau. Năm 2019, anh L bị Tòa án nhân dân huyện Nam Sách xét xử buộc phải đi chấp hành án phạt tù hơn 1 năm về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Sau khi chấp hành án xong anh L cũng không thay đổi, không có trách nhiệm với vợ con. Đầu tháng 3/2023 chị về nước, nhưng không về sống cùng với anh L. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Về con chung: Chị và anh L có 03 con chung là Phạm Ngọc N1, sinh ngày 16/02/2007, Phạm Ngọc L1, sinh ngày 08/01/2010 và Phạm Ngọc D, sinh ngày 20/8/2016, hiện cả ba con chung đang sống cùng với chị. Chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cả ba con chung, không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị là công nhân, thu nhập trung bình khoảng 10 triệu đồng/1 tháng, đủ điều kiện để nuôi dưỡng các con. Mẹ con chị đang ở nhờ nhà bố mẹ đẻ ở B, C, N, Hải Dương, điều kiện chỗ ở đảm bảo để mẹ con chị sinh sống. Bố mẹ chị đều làm nông nghiệp có thời gian phụ giúp chị trong việc trông nom, chăm sóc các cháu mỗi khi chị bận.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh L không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai, biên bản hoà giải bị đơn anh Phạm Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận lời trình bày của chị N về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng như chị N trình bày là đúng. Do mãi chơi anh có nghiện ma túy nên khoảng tháng 3/2017 anh được gia đình cho cai nghiện tại Trung tâm cai nghiện. Trong thời gian anh đi cai nghiện chị N đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở B, C, N, Hải Dương sống. Sau khi anh cai nghiện về hai vợ chồng đã hoà thuận, anh về sống cùng với chị N và các con ở nhà bố mẹ đẻ chị N. Một thời gian sau chị N đi làm ăn xa, anh và 03 con vẫn ở nhà ông bà ngoại, hai vợ chồng vẫn liên lạc với qua điện thoại. Đến khoảng tháng 5/2019 anh bị Toà án nhân dân huyện Nam Sách xử phạt 14 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Sau khi anh chấp hành án xong thì về nhà bố mẹ đẻ anh sống, khi đó chị N vẫn đi làm ăn ở nước ngoài. Trong thời gian đó chị N có chủ động nói chuyện việc ly hôn với anh, nhưng anh không đồng ý sau đó chị N cắt đứt liên lạc với anh. Khi chị N về nước, chị N cũng không nói gì với anh, anh gọi điện thoại bảo chị N về nhà sống cùng với anh, nhưng chị N không đồng ý và muốn ly hôn. Anh có đến tìm gặp nói chuyện, khuyên bảo chị N nhưng chị N không nghe mà vẫn muốn ly hôn. Đến nay anh xác định vẫn còn rất yêu vợ, thương con nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị N có 03 con chung là Phạm Ngọc N1, sinh ngày 16/02/2007, Phạm Ngọc L1, sinh ngày 08/01/2010 và Phạm Ngọc D, sinh ngày 20/8/2016, hiện cả ba con chung đang sống cùng với chị N, do anh không đồng ý ly hôn nên anh chưa có quan điểm về con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị N không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Phạm Ngọc N1, Phạm Ngọc L1 trình bày: Nếu bố mẹ các cháu ly hôn các cháu xin được ở với mẹ.

Người làm chứng:

Ông Cán Xuân N2, bà Phạm Thị C - Bố mẹ đẻ chị Cán Thị N trình bày: Quá trình chị N, anh L chung sống xảy ra rất nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L chơi bời, cờ bạc, nợ nần, nghiện ma túy, bản thân anh L cũng đã được gia đình đưa đi cai nghiện và năm 2019 anh L bị xử phạt tù về hành vi sử dụng ma túy. Chị N phải một mình bươn chải để kiếm tiền nuôi con. Nhiều lần chị N cho anh L cơ hội nhưng anh L vẫn không thay đổi, vợ chồng không còn tình

cảm và đã sống ly thân từ lâu. Nay chị N nộp đơn xin ly hôn đến Toà án, đề nghị giải quyết cho chị N ly hôn với anh L để mẹ con chị N ổn định cuộc sống. Về con chung: Vợ chồng chị N, anh L có 3 con chung là Phạm Ngọc N1, Phạm Ngọc L1, Phạm Ngọc D, cả 3 cháu đang ở với mẹ và ở nhà ông bà từ bé cho đến nay. Nếu chị N được giao nuôi con ông bà sẽ tiếp tục hỗ trợ chị N chăm sóc các cháu. Chị N hiện làm công nhân thu nhập khoảng 10.000.000đ/tháng.

Bà Đinh Thị Q – mẹ đẻ anh L trình bày: Quá trình vợ chồng anh L, chị N chung sống cũng có mâu thuẫn nhưng anh L không bao giờ đánh đập hay ngược đãi vợ con. Do tuổi trẻ còn nông nổi, anh L có mải chơi, chưa tu chí làm ăn bị sa ngã vào tệ nạn ma túy. Năm 2017 gia đình cho anh L đi cai nghiện tự nguyện, năm 2019 anh L bị xử phạt tù giam về hành vi tàng trữ ma túy. Khi anh L chấp hành án về cũng đã tu chí làm ăn, sửa đổi nhưng do chỉ làm lao động tự do nên thu nhập không cao. Chị N đi xuất khẩu lao động từ năm 2018, thời gian chị N mới đi bà thấy chị N, anh L vẫn liên lạc qua điện thoại nhưng từ năm 2022 thì chị N không còn liên lạc với anh L nữa. Khi chị N về nước cũng không nói cho anh L biết, không về chung sống với anh L. Sau đó chị N về nhà hỏi bà giấy tờ để làm thủ tục ly hôn với anh L, bà có khuyên bảo nhưng chị N nói đó là việc riêng của anh chị ấy nên bà cũng không biết khuyên bảo gì nữa. Về con chung: Chị N, anh L có 3 con chung là Phạm Ngọc N1, Phạm Ngọc L1, Phạm Ngọc D hiện cả 3 cháu ở với mẹ ở nhà ông bà ngoại. Hoàn cảnh gia đình bà rất khó khăn, bố anh L đã mất, bà thì bệnh tật, sức khoẻ yếu nên không hỗ trợ được gì cho vợ chồng anh L.

Theo biên bản xác minh với UBND xã H và ông Nguyễn Văn Q – Trưởng thôn K: Chị N và anh L đăng ký kết hôn ngày 10/8/2007 tại UBND xã H. Trước khi kết hôn anh chị có chung sống với nhau hay không địa phương không rõ. Tại thời điểm đăng ký kết hôn hai người đều đủ điều kiện kết hôn. Về mâu thuẫn của vợ chồng chị N, anh L địa phương không rõ vì không nhận được đề nghị hoà giải của gia đình. Chị N đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ lâu không còn chung sống với anh L. Anh L không có nghề nghiệp ổn định đã có một tiền án về tội Tàng trữ trái phép ma túy và đã một lần được gia đình đưa đi cai nghiện tự nguyện. Về con chung vợ chồng anh L, chị N có 3 con chung hiện các cháu đều ở chị N ở nhà ông bà ngoại. Bố đẻ của anh L đã mất, mẹ đẻ anh L sức khoẻ yếu, gia đình mới thoát hộ cận nghèo được khoảng một vài tháng nay.

Tại phiên toà sơ thẩm:

Nguyên đơn chị N vắng mặt, tại đơn xin vắng mặt giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Về quan hệ hôn nhân đề nghị được ly hôn với anh L vì xác định mâu

thuần giữa anh chị đã trầm trọng. Về con chung đề nghị cho chị được nuôi dưỡng cả 3 con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh L vắng mặt, tại đơn xin vắng mặt anh L nhất trí ly hôn về con chung anh nhất trí để chị N nuôi dưỡng cả 3 con chung, về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách trình bày việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng: Đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt họ là đúng pháp luật. Về đường lối giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Xử cho chị Cấn Thị N ly hôn anh Phạm Văn L; Về con chung: Giao 3 con chung là Phạm Ngọc N1, Phạm Ngọc L1 và Phạm Ngọc D cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con. Về án phí: Chị N phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa,

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Cấn Thị N, bị đơn anh Phạm Văn L được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt chị N, anh L.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Cấn Thị N, anh Phạm Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 10/8/2007, tại UBND xã H, N, Hải Dương là hôn nhân hợp pháp. Chị N trình bày quá trình vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do anh L chơi bời, cờ bạc, nợ nần và còn sa ngã vào tệ nạn ma túy. Năm 2017 gia đình đã cho anh L đi cai nghiện tự nguyện, năm 2019 anh L bị xử phạt tù về tội Tàng trữ trái phép ma túy. Chị đã nhiều lần cho anh L cơ hội để sửa đổi nhưng anh L không thay đổi, vợ chồng chị cũng đã sống ly thân từ lâu. Nay chị xác định mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng không thể khắc phục được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly

hôn anh L. Anh L thừa nhận quá trình chung sống giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và anh đã làm nhiều việc sai trái. Tại các biên bản ghi lời khai, biên bản hoà giải anh L trình bày vẫn còn yêu vợ con nên không đồng ý ly hôn, tại đơn xin vắng mặt anh trình bày đồng ý ly hôn. Xét thấy lời khai của chị N, anh L về mâu thuẫn vợ chồng phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người làm chứng nên có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn của chị N, anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị N ly hôn anh L.

[2] Về quan hệ con chung: Chị N và anh L có 03 con chung là Phạm Ngọc N1, sinh ngày 16/02/2007, Phạm Ngọc L1, sinh ngày 08/01/2010 và Phạm Ngọc D, sinh ngày 20/8/2016. Chị N xin được nuôi cả ba con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung, anh L nhất trí quan điểm của chị N. Hội đồng xét xử thấy hiện nay các con chung đang ở với chị N, chị N đủ các điều kiện để nuôi dưỡng, giáo dục con, anh L hiện đang là lao động tự do, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên về điều kiện trực tiếp nuôi con không bằng chị N, con chung Phạm Ngọc N1, Phạm Ngọc L1 trên 7 tuổi có quan điểm xin được ở với mẹ. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, giao ba con chung là Phạm Ngọc N1, Phạm Ngọc L1, Phạm Ngọc D1 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị N không yêu cầu.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N, anh L trình bày anh chị không có tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

[4] Về án phí: Chị N phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[5] Chị Cán Thị N, sinh ngày 05/8/1990, quá trình chuẩn bị xét xử theo lời khai của các đương sự và theo giấy khai sinh của cháu Phạm Ngọc N1 sinh ngày 16/02/2007 thấy rằng anh L có quan hệ tình dục với chị N khi chị N chưa đủ 16 tuổi, Toà án nhân dân huyện Nam Sách đã có công văn gửi Công an huyện Nam Sách để xem xét đối với hành vi nêu trên của anh L.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ

luật Tổ tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Cấn Thị N ly hôn anh Phạm Văn L.

2. Về con chung: Giao 3 con chung là Phạm Ngọc N1, sinh ngày 16/02/2007, Phạm Ngọc L1, sinh ngày 08/01/2010 và Phạm Ngọc D, sinh ngày 20/8/2016 cho chị Cấn Thị N tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh Phạm Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị N không yêu cầu. Anh L có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

3. Án phí: Chị Cấn Thị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số AA/2021/0004056 ngày 18 tháng 4 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Sách.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nam Sách;
- Dương sự;
- Chi cục THADS huyện Nam Sách;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đoàn Thị Thu Thúy